



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP - DỊCH
VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA

NĂM 2015

Tầm nhìn

- ♣ Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương về sản phẩm bao bì PET và là Nhà cung cấp bao bì PET lớn nhất Đông Nam Á.
- ♣ Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 Việt Nam về sản phẩm nước chấm và gia vị.

Sứ mệnh

- ♣ Đối với lĩnh vực bao bì PET: NNG cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm bao bì PET tốt nhất và chất lượng nhất.
- ♣ Đối với lĩnh vực thực phẩm: NNG cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn nước mắm và gia vị ngon nhất, chất lượng nhất, bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.

Giá trị cốt lõi - Bát trọng

1. **Trọng Tín nghĩa:** NNG trân trọng và gìn giữ giá trị truyền thống "Trọng lời hứa & làm điều phải" bao gồm: Quý trọng con người - Sống có trách nhiệm - Trung thành với lời hứa.
2. **Trọng Chính trực:** NNG trân trọng chuẩn mực đạo đức kinh doanh truyền thống: Công minh, liêm chính, trung thực trong ứng xử và mọi giao dịch. Tuân thủ Quy tắc, tuân thủ Pháp luật & Làm điều phải.
3. **Trọng Thời cơ:** NNG trân trọng và gìn giữ giá trị truyền thống - Quyết định thần tốc, hành động thần tốc và sáng tạo thần tốc.
4. **Trọng Nhân hòa:** NNG trân trọng văn hóa ứng xử hài hòa, tôn trọng môi trường nhân hòa và thân thiện, tôn trọng trách nhiệm và làm điều phải.
5. **Trọng Nhân tài:** NNG trân trọng nhân tài. Tập thể tài năng và những nhà lãnh đạo xuất sắc là nguồn vốn quý giá nhất tạo lên sự hưng thịnh, giúp NNG liên tục chinh phục các chuẩn cao hơn.
6. **Trọng Chất lượng:** NNG trân trọng niềm tin của khách hàng và cộng đồng bằng cam kết trách nhiệm luôn mang đến những sản phẩm tốt nhất, chất lượng nhất.
7. **Trọng Khách hàng:** NNG trân trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và cộng đồng bằng lòng nhiệt thành, sự tận tụy và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.
8. **Trọng Hiệu quả:** NNG trân trọng tính hiệu quả trong kinh doanh. Liên tục đổi mới và nâng cao lợi thế cạnh tranh, để tạo ra giá trị gia tăng nhiều hơn, giúp công ty hưng thịnh bền vững và liên tục chinh phục các chuẩn cao hơn.

MỤC LỤC

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA.....	5
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA.....	7
CƠ CẤU CÔ ĐỘNG.....	10
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2014.....	11
BÁO CÁO KIÊM TOÁN.....	15
BÁO CÁO CỦA BAN KIÊM SOÁT.....	18
TÂM NHIN CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN.....	20
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015.....	21
8.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	21
8.2. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015	23
8.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ.....	24
8.4. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH.....	24
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014.....	25
BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THỦ LAO HĐQT, BKS & BAN THƯ KÝ.....	27
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	28
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014.....	29
12.1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	29
12.2. BÁO CÁO CỦA KIÊM TOÁN ĐỘC LẬP.....	31
12.3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT.....	33
12.4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT.....	40

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Ngọc Nghĩa hiện nay gồm có:

1.1. NGÀNH BAO BÌ NHỰA PET

Sản xuất và cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế các sản phẩm bao bì nhựa PET các loại, cụ thể gồm có:

- Chai PET các loại với đủ mọi dung tích và hình dáng, phục vụ cho tất cả các ngành như:
 - o Nước uống (bao gồm nước uống đóng chai và nước giải khát các loại)
 - o Nước uống có bổ sung thêm thành phần sữa
 - o Thực phẩm, đồ ăn
 - o Bia rượu
 - o Hóa chất
 - o Bảo vệ thực vật
 - o Mỹ phẩm
 - o Hàng tiêu dùng gia đình
 - o Và các ngành hàng khác
- Phôi PET các loại với đầy đủ các kích thước cỗ theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo kích thước cỗ chuẩn PCO1810, PCO1881, đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng.
 - o Phôi CSD
 - o Phôi Non CSD
 - o Phôi Hotfill với cỗ kết tinh và không kết tinh (hay còn gọi là hotfill cường lực)
- Nắp chai PET các loại với đầy đủ màu sắc, logo insert, logo in laser,....
 - o Nắp Non CSD cỗ PCO1881 (bao gồm nắp trọng lượng nhẹ giúp tiết kiệm chi phí già thành cho khách hàng)
 - o Nắp CSD hai mảnh cỗ PCO1881
 - o Nắp Hotfill dành cho chai kết tinh hoặc nắp không kết tinh (hay còn gọi là hotfill cường tinh)
 - o Nắp hai mảnh cỗ PCO1810
 - o Nắp chai ngành dầu ăn và các ngành khác.

1.2. NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

Ngành thực phẩm của Tập đoàn Ngọc Nghĩa hiện nay gồm có ngành nước chấm và ngành bánh kẹo.

1.2.1. Ngành thực phẩm nước chấm

Các sản phẩm của ngành thực phẩm nước chấm do Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú của Tập đoàn Ngọc Nghĩa sản xuất hiện nay thuộc thương hiệu Kabin Foods với các dòng sản

phẩm chủ lực mang chỉ dẫn địa lý nước mắm Phan Thiết sau đây:

- Nhãn hiệu Kabin các loại nước mắm gồm có:
 - o Kabin Thượng Hạng 25 độ đậm
 - o Kabin Vitamin, bổ sung vitamin cho trẻ em
- Vào mùa Tết, Công ty có các sản phẩm cao cấp dùng làm quà tặng gồm Kabin Dinh Dưỡng 68 độ đậm và Kabin đặc biệt 40 độ đậm
- Nhãn hiệu Thái Long các loại nước mắm gồm có:
 - o Thái Long Phan Thiết – Nhãn vàng hảo hạng, 20 độ đậm
 - o Thái Long Phan Thiết – Nhãn đỏ, 15 độ đậm
 - o Thái Long Vi chất bổ sung sắt và I ôt
 - Nước chấm nhãn hiệu Thái Long gồm có:
 - o Rõng vàng Vitamin
 - Nước tương nhãn hiệu Kabin và Thái Long
 - Tương ớt Kabin
 - Và các gia vị khác ngành thực phẩm

1.2.2. Ngành thực phẩm bánh kẹo

Các sản phẩm của ngành thực phẩm do Công ty CP Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế (Đổi tên từ Công ty cổ phần thực phẩm Đông á) của Tập đoàn Ngọc Nghĩa sản xuất hiện nay thuộc thương hiệu Deli Food với các dòng sản phẩm chủ lực bán trong nước và xuất khẩu sau đây:

- Dòng bánh mềm phủ chocolate trắng và nâu
- Dòng bánh que
- Dòng bánh Cookies
- Dòng bánh xá phục vụ phân khúc bình dân

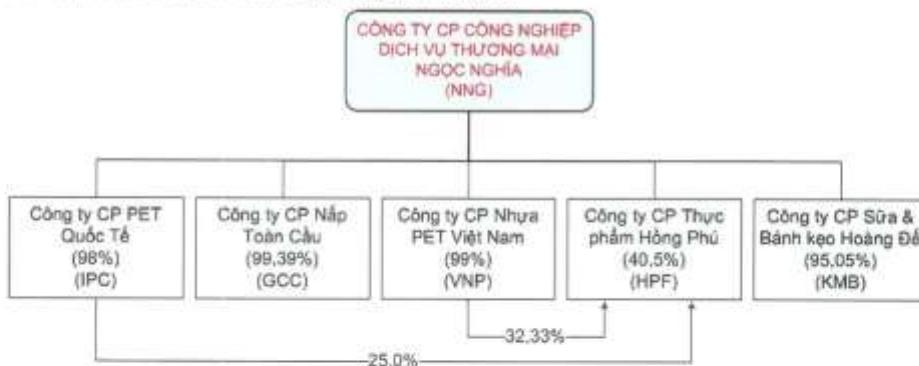
PHẦN

2

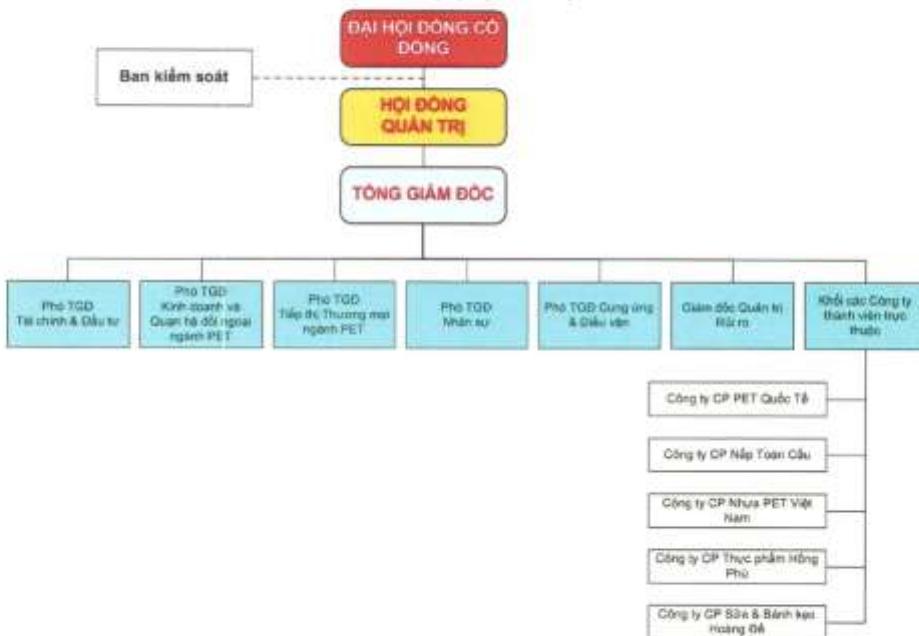
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA

2.1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Mô hình tổ chức của Tập đoàn Ngọc Nghĩa gồm công ty mẹ là Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa và 5 công ty thành viên, trong đó công ty mẹ chiếm tỷ lệ từ 40,5% đến 99,39% vốn điều lệ của từng công ty thành viên.



Cơ cấu tổ chức nhân sự Ban Điều hành công ty mẹ 2014 gồm có:



2.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của NNG nhiệm kỳ 05 năm, từ ngày 30/03/2011 đến hết ngày 29/03/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại kỳ họp ngày 30/03/2011 và bầu bổ sung tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và 2014 gồm có 5 thành viên:

STT	HỌ TÊN	VỊ TRÍ	Ghi chú
1	Ông LA VĂN HOÀNG	Chủ tịch	
2	Bà BÙI HỒNG NGỌC	Phó Chủ tịch	
3	Bà BÙI BÌCH HỒNG	Üy viên	
4	Ông LA HOÀI NAM	Üy viên	
5	Ông LA BÙI HOÀNG NGHĨA	Üy viên	
6	Ông JEAN ERIC JACQUEMIN	Üy viên	Bổ nhiệm từ 26/05/2014

2.3. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của NNG nhiệm kỳ từ ngày 01/05/2012 đến hết ngày 30/04/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại kỳ họp ngày 26/04/2012 và bầu thay đổi thành viên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 gồm có 03 thành viên với cơ cấu như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông TRƯƠNG QUỐC THÁNG	Trưởng ban
2	Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Thành viên
3	Ông NGUYỄN MẠNH HÀ	Thành viên (bổ nhiệm từ 26/05/2014)

2.4. BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn năm 2014 như sau:

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NS	TÓM TẮT LÝ LỊCH
1	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NNG	Ông LA VĂN HOÀNG	1961	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Cử nhân kinh doanh quốc tế
2	Phó Tổng Giám đốc Tài chính & Đầu Tư NNG	Bà NGUYỄN THỊ KIM CHI	1981	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp (MA), Cử nhân kinh tế ngoại thương
3	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự NNG	Bà NGUYỄN BẠCH KIM VY	1977	Thạc sỹ Kinh tế
4	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng & Điều vận NNG	Bà ĐÀO THỊ THUẬN	1978	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
5	Phó Tổng Giám đốc Marketing ngành PET	Ông LA BÙI HOÀNG NGHĨA	1989	Thạc sỹ Tài chính, cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật
6	Phó Tổng Giám đốc Thương mại & Quan hệ Quốc tế ngành PET	Bà BÙI HỒNG NGỌC	1985	Thạc sỹ Kinh tế Thụy Sĩ
7	Phó Tổng giám đốc Điều hành Công ty IPC/GCC	Ông LÃ SƠN HÀ	1969	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
8	Tổng giám đốc Công ty VNP	Bà BÙI BÌCH HỢP	1950	Cử nhân Kinh tế

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NS	TÓM TẮT LÝ LỊCH
9	Phó Tổng giám đốc kinh doanh ngành Food	Ông LA HOÀI NAM	1979	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh UK
10	Phó Tổng Giám đốc Sản xuất ngành Food	Ông NGUYỄN VĂN THANH	1973	Kỹ sư công nghệ thực phẩm
11	Giám đốc Quản trị Rủi ro NNG	Bà NGUYỄN THỊ CHÂU	1964	Cử nhân Tài chính Kế toán
12	Giám đốc Pháp chế NNG	Ông ĐẶNG THÁI BÌNH	1983	Cử nhân Luật

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3.1. CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần của công ty tính đến ngày 27/03/2015 là 52.250.000 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết là: 52.249.922 cổ phần.
- Số cổ phần quỹ: 78 cổ phần

Tổng số cổ đông của công ty tính đến ngày 27/03/2015 là 207 cổ đông và cổ phiếu quỹ. Trong đó gồm có:

- Cổ đông cá nhân: 204 cổ đông, nắm giữ 44.888.967 cổ phần, tương ứng với 85.91% vốn điều lệ của công ty.
- Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 7.360.955 cổ phần, tương ứng với 14.09% vốn điều lệ của công ty.
- Cổ phiếu quỹ: 78 cổ phần.

3.2. CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

Danh sách cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần trên 5% vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 08/04/2014.

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMND / GĐKKD	CỔ PHẦN		TỶ LỆ (%)
			SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (VND)	
1	LA VĂN HOÀNG	022354685	15.822.496	158.224.960.000	30.28%
2	BÙI BÌCH HỒNG	020481045	9.746.823	97.468.230.000	18.65%
3	LA BÙI HỒNG NGỌC	023880724	9.538.463	95.384.630.000	18.26%
4	LA BÙI HOÀNG NGHĨA	024202179	4.600.058	46.000.580.000	8.80%
5	Red River Holding	WK – 192053	5.637.874	56.378.740.000	10.79%

3.3. CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Danh sách cổ đông nước ngoài của công ty tại thời điểm 27/03/2015

STT	HỌ VÀ TÊN	LOẠI HÌNH	SỐ CMND / GĐKKD	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	Red River Holding	Tổ chức	WK – 192053	5.637.874	10.79%
2	Maxence Charles Eric Vanderlynden	Cá nhân	09A174354	68.217	0.13%

3.4. ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2014

So với cơ cấu cổ đông được chốt vào ngày 08/04/2014 (chốt quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014), thì số lượng cổ đông không có sự biến động nào trong năm 2014.

Về số lượng cổ đông nước ngoài trong năm 2014 vẫn là 2 cổ đông như năm 2013.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2014

4.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2014

Nền kinh tế thế giới năm 2014 tiếp tục hồi phục nhưng không đạt mức khả quan như kỳ vọng. Kết quả này là do tăng trưởng thấp từ các nước khu vực đồng tiền chung Châu Âu, Nhật Bản, Châu Mỹ Latin và đặc biệt là Nga. Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng nhẹ từ mức 2,5% năm 2013 lên 2,6% năm 2014.

Đối với các nền kinh tế có thu nhập trên đầu người ở mức cao, tăng trưởng kinh tế của các nước này tăng từ mức 1,4% năm 2013 lên mức 1,8% năm 2014. Tuy nhiên, giữa các nước này lại có bức tranh tăng trưởng tương phản trái chiều. Trong khi Mỹ và Anh có mức tăng trưởng tốt và đang có đà đi lên khi thị trường lao động đang hồi phục và chính sách tiền tệ phù hợp. Cụ thể, tăng trưởng của Mỹ năm 2014 là 2,4%, tăng từ mức 2,2% năm 2013 và ở Anh là từ mức 1,7% lên mức 2,6%.

Ngược lại, việc hồi phục kinh tế của khu vực đồng tiền chung Châu Âu và Nhật Bản vẫn còn trì trệ khi tăng trưởng năm 2014 của các nước này lần lượt là 0,8% và 0,2%. Bất chấp thực tế rằng, kinh tế Nhật Bản trong năm 2013 đã thoát ra khỏi thời kỳ tăng trưởng âm và đạt mức tăng trưởng 1,8%.

Các ngân hàng trung ương tại khu vực đồng tiền chung Châu Âu và Nhật Bản đã cam kết tiếp tục tung ra các biện pháp kích thích do lo ngại về nguy cơ giảm phát. Trong khi đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) lại được dự đoán sẽ bắt đầu tăng lãi suất chính sách từ giữa năm 2015.

Khu vực Đông Á Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển nhanh nhất thế giới năm 2014 với tốc độ tăng trưởng 6,9%, thấp hơn 0,3% so với 2013. Trong khi đó, giá trị tăng trưởng năm 2014 của Trung Quốc đạt mức 7,4% do chính sách tiền tệ thắt chặt sau một thời gian tăng trưởng nóng nhưng vẫn tiếp tục là nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong năm 2014. Mức tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc năm 2014 (theo thông tin công bố từ Trung Quốc) thấp hơn so với 2013 là 0,3%.

Giá dầu giảm mạnh kể từ giữa năm 2014 có tác động mạnh đến cả từ nước nhập khẩu và xuất khẩu dầu. Trong đó, một trong số các nước hưởng lợi từ giá dầu thấp có thể kể đến là Ấn Độ với mức tăng trưởng 5,6% từ mức 5% của năm 2013. Ngược lại, nền kinh tế của Nga bị ảnh hưởng nặng nề bởi giá dầu thấp với mức tăng trưởng chỉ đạt 0,7% so với mức 1,3% năm 2013.

4.2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2014

Với việc giá dầu giảm mạnh từ giữa năm 2014 đã tác động không nhỏ đến các nước có nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu dầu như Việt Nam trong năm qua. Ngoài ra, tình hình sản xuất kinh doanh trong nước năm 2014 còn chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để đã tác động đến mức tăng trưởng của Việt Nam năm 2014.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013. Mức tăng trưởng này cao hơn mức tăng 5,42% của năm 2013 và mức tăng 5,25% của năm 2012 cho thấy một số dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Cơ cấu nền kinh tế tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất là khu vực dịch vụ chiếm 43,38%, tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%.

Tốc độ tăng của các quý sau trong năm 2014 cao hơn quý trước và tăng nhanh vào các tháng cuối năm. Cụ thể, quý I tăng 5,3%, quý II tăng 6,9%, quý III tăng 7,8%, quý IV ước tính tăng 10,1%. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp năm 2014 ước tính tăng 7,6% so với năm 2013.

Trong đó, chỉ số công nghiệp các sản phẩm từ cao su, nhựa tăng 3,4% so với năm 2013 và giá trị sản xuất chế biến thực phẩm là 5,1%.

Về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2014, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 74.842, giảm 2,7% so với năm trước và với tổng vốn đăng ký là 432 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4%. Số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm đạt 5,8 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2013. Số lao động dự kiến được tạo việc làm của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm qua là 1.091 nghìn người, tăng 2,8% so với năm trước.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện năm 2014 theo giá hiện hành ước tính đạt 1.221 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2013 và bằng 31% GDP. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước đạt 487 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,9% tổng vốn và tăng 10,1% so với năm trước, vốn khu vực ngoài Nhà nước đạt 469 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6%; vốn khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 265 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5%.

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2014 có dấu hiệu khả quan so với năm 2013. Tổng cộng năm 2014 đã thu hút 1.588 dự án được cấp phép mới, tăng 24,5% so với năm 2013 với số vốn đăng ký đạt 15.643 triệu USD, tăng 9,6%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2014 ước tính đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch năm 2014.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2014 đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013. Trong đó, 3 nhóm hàng chiếm tỷ trọng cao nhất gồm nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đạt 66,5 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2013, chiếm 44,3%. Tiếp theo là nhóm hàng công nghiệp nhẹ đạt 57,9 tỷ USD, tăng 15,9% và chiếm 38,6% và nhóm mặt hàng điện thoại và linh kiện ước đạt 24,1 tỷ USD, tăng 13,4% và chiếm 16,1%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 84,5 tỷ USD, tăng 13,6%, khu vực kinh tế trong nước đạt 63,5 tỷ USD, tăng 10,2%. Trong đó, ngành chất dẻo và hóa chất nằm trong nhóm ngành có giá trị tăng cao so với 2013 với chất dẻo đạt 6,3 tỷ USD, tăng 10,9%; hóa chất đạt 3,3 tỷ USD, tăng 9,5%;

Như vậy, năm 2014 đã xuất siêu 2 tỷ USD, tương ứng 1,3% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 17 tỷ USD còn khu vực trong nước nhập siêu 15 tỷ USD.

4.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

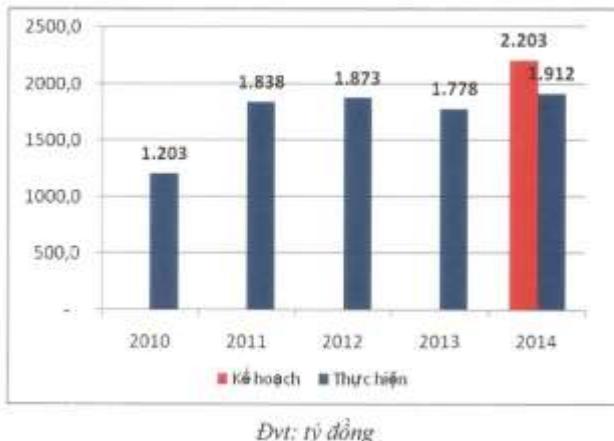
Với những khó khăn của nền kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2014, hoạt động kinh doanh của NNG cũng bị ảnh hưởng. Tuy vậy, doanh thu của NNG năm 2014 đạt giá trị 1.912 tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2013 và đã vượt cột mốc doanh thu 1.900 tỷ đồng.

Đối với ngành bao bì PET, NNG tiếp tục giữ vững doanh thu ổn định tại thị trường nội địa và đã đạt được những thành công nhất định trong việc tăng trưởng thị trường này. Kết quả doanh thu thị trường nội địa năm 2014 tăng 13% so với năm 2013 trong điều kiện cạnh tranh nội địa bắt đầu khốc liệt bởi sự gia nhập của các nhà cung cấp ngoại.

Các khách hàng lớn trong nước của NNG gồm Coke VN, Pepsi Việt Nam, Unilever Việt Nam đạt doanh thu mức tăng trưởng ổn định. Ngoài ra, NNG cũng tham gia hỗ trợ các khách hàng trong việc triển khai các dự án sản phẩm mới.

Song song đó, thị trường xuất khẩu cho các khách hàng lớn khu vực Đông Nam Á tiếp tục phát triển và khẳng định thương hiệu của NNG. Ngoài ra, bộ phận kinh doanh của NNG đã có bước tiến đáng kể trong việc thâm nhập vào thị trường Nhật, góp phần khẳng định sản phẩm và dịch vụ của NNG đã đáp ứng được tiêu chí của những khách hàng tại thị trường khó tính nhất.

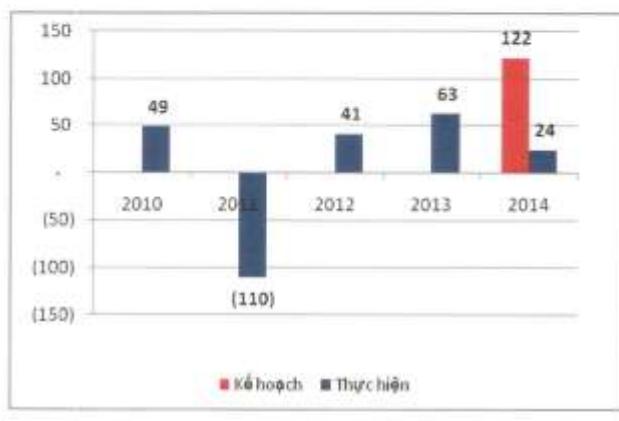
Biểu đồ 1: Doanh thu Tập đoàn NNG giai đoạn 2010-2014



Đối với ngành nước mắm và gia vị, doanh thu của NNG tăng 72% so với 2013. Kết quả này có được là do NNG đã thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường thông qua hệ thống phân phối rộng khắp mọi 63 tỉnh thành trong cả nước.

Tuy nhiên, với việc điều tiết giá cạnh tranh cho các khách hàng lớn của ngành bao bì PET và giữ vững mục tiêu ổn định chất lượng sản phẩm ngành thực phẩm ngay cả trong điều kiện giá dầu vào gia tăng, biên lãi gộp toàn Tập đoàn mất đi 5,6% so với năm 2013 là nguyên nhân lợi nhuận Tập đoàn chỉ đạt # 24 tỷ đồng (so với kế hoạch 122 tỷ đồng nếu biên lãi gộp đạt được như kế hoạch).

Biểu đồ 2: Lợi nhuận ròng tập đoàn NNG giai đoạn 2010-2014



4.4. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC & HẠN CHẾ TỒN TẠI

4.4.1 Kết quả đạt được

Trong năm 2014, NNG ghi nhận các kết quả điển hình như sau:

- Doanh thu ngành PET thị trường nội địa năm 2014 tăng trưởng 13% so với năm 2013 và doanh thu các khách hàng lớn trong nước của NNG gồm Coke VN, Pepsi Việt Nam, Unilever Việt Nam giữ mức tăng trưởng ổn định.
- NNG có những bước tiến đáng kể trong việc thâm nhập vào thị trường Nhật, đáp ứng

được tiêu chí của những khách hàng tại thị trường khó tính nhất.

- NNG đã hoàn thiện thiết lập mới hệ thống phát triển sản phẩm và cải tiến phù hợp với hoạt động thực tế nhằm tạo thêm giá trị gia tăng cho khách hàng.
 - Thành công trong việc vận hành hệ thống ép phôi tốc độ cao, công suất cao.
 - Hoàn thành việc tối đa hóa nguồn cung cho phân khúc hóa mỹ phẩm.
 - Thành công những bước đầu của dự án bao bì mỹ phẩm cao cấp, đã bắt đầu cung cấp cho những khách hàng đa quốc gia.
 - Thành công với những bước đầu của dự án bao bì gia dụng, đang tiến hành đàm phán với khách hàng.
 - Ngành nước chấm thành công trong việc thiết lập hệ thống phân phối rộng khắp và đi sâu tận các tuyến nông thôn.
 - NNG không ngừng nâng cao giá trị thông qua việc hoàn thành và đạt các chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến chất lượng, tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm toàn cầu ISO 9001 - 2008 và FSSC 22K.
 - Việc quản trị dòng tiền tập trung toàn tập đoàn đã đạt được nhiều kết quả tốt, giúp tiết giảm đáng kể chi phí tài chính cho toàn tập đoàn, đồng thời đảm bảo được khả năng thanh toán của toàn tập đoàn.
 - Xây dựng văn hóa NNG vững mạnh phù hợp với giai đoạn phát triển trong tương lai. Thực hiện triển khai đào tạo cho toàn tập đoàn và chuyển hóa vào mục tiêu cho nhân viên.
 - Thực hiện đào tạo kỹ năng mềm để nâng cao chất lượng của nhân viên.
 - NNG tích cực tham gia hội chợ việc làm để tạo thêm nguồn nhân lực cho NNG cũng như quảng bá thương hiệu của công ty.

4.4.2 Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, NNG vẫn còn nhiều hạn chế tồn tại do những biến động thay đổi của nền kinh tế trong nước và thế giới cũng như áp lực cạnh tranh của các đối thủ đối với các khách hàng lớn trong ngành bao bì PET. Trong điều kiện cạnh tranh về giá khắc liệt và khó thể nhanh chóng điều chỉnh linh hoạt cơ cấu chi phí, ngành PET của NNG bị giảm đáng kể lãi gộp trong điều kiện doanh thu tăng.

Đối với ngành nước châm và giàn vi, NNG còn gặp khó khăn và chưa hoàn thiện được hệ thống phân phối tại Mekông và Hồ Chí Minh.

4.5. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Trong năm 2014, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn Ngọc Nghĩa đã tiến hành tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú thêm 50 tỷ đồng (từ mức 150 tỷ đồng lên mức 200 tỷ đồng) và do Công ty Cổ phần PET Quốc Tế góp vốn.

Ngoài ra, các công ty trong Tập đoàn đã đầu tư bổ sung gần 180 xe tải để cho Công ty cổ phần Thực phẩm Hồng Phú thuê lại nhằm mục đích mở rộng thị trường ngành nước mắm và gia vị theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt, số lượng xe tải này được đầu tư theo hình thức thuê tài chính với tổng mức đầu tư gần 30 tỷ đồng. Và kết quả mang lại của việc đầu tư này đã giúp cho Công ty cổ phần Thực phẩm Hồng Phú tăng trưởng doanh thu hơn 70% so với năm 2013 và đang trên đà tăng trưởng tốt theo đúng định hướng kinh doanh đã được Hội đồng Quản trị Tập đoàn dự tính.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2015

CTY CP CN-DV-TM NGOC NGHIA

Tổng Giám đốc



Lê Văn Hoàn

Trang 14/77

PHẦN

5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**5.1 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

<i>Đơn vị tính: đồng</i>	<i>2014</i>	<i>2013</i>
Tổng doanh thu	1,918,651,349,327	1,782,426,102,513
Các khoản giảm trừ doanh thu	6,654,884,393	4,075,845,512
Doanh thu thuần	1,911,996,464,934	1,778,350,257,001
Giá vốn hàng bán	1,424,711,471,034	1,226,534,684,380
Lợi nhuận gộp	487,284,993,900	551,815,572,621
Chi phí bán hàng	263,398,410,983	274,517,352,359
Chi phí quản lý doanh nghiệp	93,239,969,291	83,254,319,373
Thu nhập tài chính	9,041,382,014	4,252,875,560
Chi phí tài chính	84,907,062,258	104,205,280,985
Lợi nhuận từ HD sản xuất kinh doanh	54,780,933,382	94,091,495,464
Thu nhập khác	13,837,874,685	93,087,239,931
Chi phí khác	21,033,201,358	95,308,557,029
Kết quả từ hoạt động khác	(2,195,328,673)	(2,221,317,098)
Lợi nhuận trước thuế	52,585,606,709	91,870,178,386
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14,414,945,575	9,780,363,564
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	14,197,057,621	19,396,123,104
Lợi nhuận sau thuế	23,973,603,513	62,693,691,698

5.2 BẢNG CĂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

<i>Đơn vị tính: đồng</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2013</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN		
Tiền và các khoản tương đương tiền	602,147,302,960	604,816,194,145
Đầu tư ngắn hạn	49,279,280,881	71,595,361,478
Phải thu ngắn hạn	50,000,000,000	50,000,000,000
Trả trước cho người bán	150,689,094405	142,685,228,651
Phải thu khác	9,438,826,565	13,922,646,883
Dự phòng phải thu khó đòi	9,516,741,021	10,854,967,592
Hàng tồn kho	(1,213,846,991)	(462,581,709)
Tài sản ngắn hạn khác	256,630,078,008	243,953,257,342
	77,807,129,071	72,267,313,908
TÀI SẢN DÀI HẠN		
Phải thu dài hạn	1,272,000,325,302	1,349,853,969,947
Tài sản cố định	2,341,143,141	5,207,286,106
Hữu hình	1,215,624,227,629	1,283,871,736,322
Thuê tài chính	719,221,946,335	689,593,192,767
Vô hình	204,769,918,076	244,945,995,775
Xây dựng cơ bản dở dang	283,172,909,672	285,924,801,148
Tài sản dài hạn khác	8,459,453,546	63,407,746,632
Lợi thế thương mại	17,869,539,022	18,016,481,018
	38,165,415,510	42,758,466,501
TỔNG TÀI SẢN	1,874,147,628,262	1,954,670,164,092

5.3 TÓM TẮT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu

Trong năm 2014, doanh thu tăng hơn 7% so với năm 2013, về tổng giá trị tăng 136 tỷ đồng, nhưng giá vốn hàng bán tăng hơn 16%, và nguyên nhân là do doanh thu tăng đến từ hoạt động thương mại nhựa với chi phí giá vốn cao hơn so với sản xuất.

Riêng ngành nước mắm và gia vị tăng gần 72% so với năm 2013, với mức tăng hơn 116 tỷ đồng so với năm 2013.

Giá vốn hàng bán

Trong khi doanh thu thuần tăng hơn 7% thì chi phí giá vốn tăng hơn 16% so với năm 2013 nguyên nhân là do doanh thu thương mại (hoạt động có biên lãi gộp thấp) của ngành PET tăng trong năm 2014.

Đối với ngành nước mắm và gia vị có mức tăng giá vốn hàng bán trên doanh thu cao hơn so với năm 2013 so sự gia tăng chi phí nhân công # 28%, khẩu hao do đầu tư thêm 1 số máy móc tăng 17% và sự tăng giá mua đầu vào trong điều kiện Công ty vẫn giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng không tăng giá bán.

Lợi nhuận gộp

Với đặc điểm của việc tăng tỷ trọng của hoạt động thương mại của ngành PET cùng với sự gia tăng chi phí giá vốn của ngành nước mắm và gia vị làm cho lợi nhuận gộp của toàn Tập đoàn giảm 5.5% so với năm 2013, về mức 25.5% doanh thu thuần, xét về giá trị tuyệt đối thì doanh lợi nhuận gộp giảm #64,5 tỷ so với năm 2013.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của toàn Tập đoàn giảm #11 tỷ đồng, và việc giảm tập trung ở ngành PET do điều chỉnh cách ghi nhận chi phí bao bì đưa vào giá vốn. Riêng ngành nước mắm và gia vị chi phí bán hàng trong năm 2014 tăng #41 tỷ đồng tập trung ở chi phí mở rộng hệ thống phân phối và quảng cáo.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng #10 tỷ so với năm 2013, chiếm tỷ lệ tương đương 4.9% trên doanh thu thuần và tăng 4,7% so với mức của năm 2013.

Chi phí tài chính

Năm 2014 do nỗ lực trong việc cắt giảm chi phí tài chính cùng với ảnh hưởng của xu hướng giảm lãi suất cho vay của thị trường tài chính, nên chi phí tài chính giảm gần 20 tỷ đồng (từ mức 104 tỷ vào năm 2013 giảm xuống còn gần 85 tỷ trong năm 2014). Tỷ lệ chi phí tài chính (sau khi trừ doanh thu tài chính) chỉ còn chiếm 4.44% doanh thu thuần (so với mức 6,1% vào năm 2013).

Chi phí khác

Chi phí khác sau khi căn trừ thu nhập khác thì tổng thể năm 2014 không có biến động nhiều so với năm 2013.

Lợi nhuận ròng

Lợi nhuận ròng giảm so với năm 2013 do doanh thu của ngành PET có tăng nhưng đến từ hoạt động thương mại với biên lợi nhuận thấp làm cho lãi gộp giảm về giá trị đáng kể so với năm 2013. Trong khi đó, ngành thực phẩm vẫn còn lỗ vượt dự kiến (riêng ngành nước mắm và gia vị trong năm 2014 mức lỗ tăng hơn so với năm 2013 là #27 tỷ đồng).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền cuối kỳ 2014 mặc dù giảm so với năm 2013, nhưng vẫn giữ ở mức #49 tỷ đồng, đủ đảm bảo cho việc thanh toán cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Và để dự phòng cho khả năng thanh toán, tập đoàn vẫn duy trì khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 50 tỷ để có thể sử dụng vào bất kỳ thời điểm nào cần thiết, nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản tốt nhất cho toàn hệ thống.

Tài sản cố định

Tài sản cố định của toàn Tập đoàn vào cuối năm 2014 giảm #68 tỷ so với thời điểm cuối năm 2013 do trích khấu hao dần.

Đầu tư vào Công ty khác

Năm 2014, NNG đã tăng vốn đầu tư vào Công ty cổ phần thực phẩm Hồng Phú thêm 50 tỷ đồng thông qua Công ty CP PET Quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh cho ngành thực phẩm và hạn chế việc vay mượn nội bộ giữa ngành PET và ngành thực phẩm.

Tổng tài sản

Tổng tài sản giảm 80 tỷ đồng (tương đương 4%), nguyên nhân là do NNG mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông Red River Holding (#88 tỷ) và giảm nợ vay ngắn hạn và trung hạn.

Các khoản nợ

Tổng nợ Tập đoàn giảm 43 tỷ, trong đó nợ ngắn hạn giảm 26 tỷ và nợ dài hạn giảm 15 tỷ.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2014 Tập đoàn không tăng vốn từ bên ngoài, nhưng do việc phải mua lại cổ phiếu của cổ đông Red River Holding với số tiền #88 tỷ đồng trong khi lợi nhuận trong kỳ chưa đủ bù đắp làm cho tổng vốn chủ sở hữu giảm #47.6 tỷ đồng.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2015

CTY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Tổng Giám đốc



La Văn Hoàng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

6.1. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2014

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa trong năm tài chính 2014 đã thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT để cập nhật, giám sát và đảm bảo mọi hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty đều hợp lý và hợp pháp;
- Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức họp thành viên 02 lần định kỳ nội bộ ban kiểm soát;
- Rà soát, kiểm tra hồ sơ, chứng từ và quy trình liên quan thanh toán, tạm ứng, đầu tư của Công ty;
- Lắng nghe ý kiến CBCNV và cổ đông đóng góp về tình hình sản xuất kinh doanh công ty để phản ánh lại HDQT và Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS được HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

6.1. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2014

Trong năm tài chính 2014, Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính toàn niên độ tài chính 2014, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập (Công ty Kiểm toán KPMG) về báo cáo tài chính của công ty được lập cho năm tài chính 2014.

6.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ NỘI QUY CÔNG TY

Trong năm 2014, Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật liên quan Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Các chủ trương, hoạt động của Công ty đều trong khuôn khổ tuân thủ pháp luật và nội quy Công ty.

6.3. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2014, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty bởi hoạt động của các thành viên hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng Ban điều hành Công ty năm 2014 đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc quản lý, điều hành.

Ban kiểm soát cũng đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành trong công tác phối hợp chặt chẽ với cán bộ công nhân viên công ty giúp Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, mặc dù không hoàn thành kế hoạch doanh thu do Đại hội đồng cổ đông giao, nhưng đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận là một kết quả đáng trân trọng trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với hàng loạt doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể.

6.4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt trách nhiệm trong việc phối hợp với HĐQT và Ban giám đốc theo dõi, giám sát chặt chẽ và hiệu quả tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp với pháp luật, phù hợp với những cam kết của HĐQT với cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông năm 2014 cũng như đáp ứng được quyền lợi của cổ đông.

Về công tác quan hệ cổ đông, Ban kiểm soát cũng đã có sự phối hợp với bộ phận quản trị cổ phiếu công ty trong công tác quan hệ cổ đông tiếp tục duy trì và chú ý nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

6.5. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

Kiện toàn nhân sự về kiến thức chuyên môn; phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ với nhau và với các đơn vị liên quan; thực hiện hiệu quả chức năng và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả công tác giám sát hoạt động của Công ty, của các thành viên HĐQT và Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật cũng như tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2015 đã thông qua.

Giám sát trong việc công bố thông tin kịp thời và chính xác cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2015
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Trưởng Ban



TRƯƠNG QUỐC THẮNG

TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN

7.1 TÂM NHÌN DÀI HẠN

↳ **Tâm nhìn:** NNG nỗ lực phấn đấu đến năm 2020

1. Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về sản phẩm bao bì PET và là Nhà cung cấp bao bì PET lớn nhất Đông Nam Á.
2. Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 Việt Nam về sản phẩm nước mắm và gia vị.

↳ **Sứ mệnh:** NNG cam kết

1. Mang đến cho khách hàng các sản phẩm bao bì PET tốt nhất và chất lượng nhất.
2. Mang đến cho cộng đồng nguồn nước mắm & gia vị ngon nhất, chất lượng nhất, bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.

7.2 MỤC TIÊU 2015

↳ **Mục tiêu then chốt của năm 2015**

1. Ngành PET

- ✓ Hoàn thành bộ sản phẩm mũi nhọn, hoàn tất nghiên cứu khả thi về kỹ thuật.
- ✓ Duy trì dòng tiền ổn định từ khách hàng/sản phẩm truyền thống. Hạn chế tối đa chảy máu dòng tiền cho mảng hiện hữu để ưu tiên tập trung cho SP mũi nhọn.

2. Ngành nước chấm và gia vị

- ✓ Vận hành thành công có hiệu quả hệ thống Van Beat Plan và đảm bảo chất lượng hệ thống phân phối tại các đặc khu: Miền Bắc, Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên. Từng bước mở rộng thị trường HCM & Mekong. Đẩy mạnh bán hàng kênh siêu thị và xuất khẩu.
- ✓ Huy động tăng vốn thành công.
- ✓ Đẩy mạnh phát triển & nâng cao chất lượng thương hiệu Kabin & Thái Long để giành được ngày càng nhiều hơn niềm tin của NTD, giúp HPF liên tục tăng trưởng mạnh mẽ & bền vững với doanh thu nền tảng tương đương 30% thị phần vào năm 2018.

3. Ngành bánh

- ✓ Đảm bảo dòng tiền từ HDSXKD dương và kinh doanh có lãi.
- ✓ Thúc đẩy doanh thu OEM và xuất khẩu. Doanh thu nội địa và xuất khẩu đạt tối thiểu ở mức tự thu tự chi. Từng bước phân phối chủ động & hiệu quả thông qua HTPP tại các đặc khu phân phối của HPF.
- ✓ Đảm bảo dòng tiền từ HDSXKD dương. Thúc đẩy doanh thu OEM và xuất khẩu. Doanh thu nội địa và xuất khẩu duy trì ở mức tự thu tự chi. Tận dụng lợi thế HTPP ngành nước chấm và gia vị đã có, thúc đẩy gia tăng doanh thu bánh từ các đặc khu.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

8.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Dự báo tình hình kinh tế năm 2015

Mặc dù nền kinh tế lớn số 1 thế giới hiện tại (Mỹ) trong thời gian qua đã có những diễn biến tích cực, nhưng với mức độ tăng trưởng chưa cao, và nền kinh tế Châu Âu vẫn còn trong tình trạng chật vật phục hồi lại bị thêm ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tại Ukraine buộc Ngân hàng Trung ương Châu Âu phải tung ra gói hỗ trợ kích thích kinh tế. Với việc Mỹ cùng Châu Âu đang áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế đối với Nga ngày càng phức tạp và tăng về quy mô làm ảnh hưởng đến quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế của từng khu vực có liên quan.

Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Trong đó, mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP trong năm 2015 là 6,2%, điều hành lạm phát ở mức khoảng 5%. Tuy nhiên, để đảm bảo đạt được mức tăng trưởng GDP kỳ vọng ở mức 6,2% như mục tiêu của Chính phủ trong năm 2015 sẽ gặp nhiều khó khăn do sức cầu của nền kinh tế còn yếu sau một giai đoạn dài khó khăn, điển hình là lạm phát năm 2014 chỉ đạt mức 1,86% so với cuối năm 2013 (nếu tính trung bình năm 2014 so với năm 2013 thì chỉ số tiêu dùng chỉ tăng 3,95%), nếu nhìn lại chặng đường 15 năm qua sẽ thấy, mức lạm phát dưới 2% năm 2014 thấp hơn cả năm 1996 là 4,5%, năm 1997 là 3,7%, năm 2002 là 4%, năm 2003 là 3%, mức lạm phát này chỉ cao hơn giai đoạn nền kinh tế giảm phát như năm 1999 (lạm phát 0,1%) và năm 2000 (lạm phát âm 0,6%).

Vẫn đề nợ xấu vẫn và cài cách hệ thống tài chính ngân hàng vẫn còn là một thách thức của nền kinh tế, mặc dù Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước liên tiếp có những giải pháp cai tỏ và chấn chỉnh lại hệ thống các ngân hàng thương mại, nhưng việc giải quyết không thể được thực hiện trong ngày một ngày hai mà cần thời gian dài, và tiêu tốn nguồn lực lớn của quốc gia.

Năm 2015, Ngân hàng nhà nước tiếp tục đưa ra thông báo điều hành lãi suất theo hướng giảm thêm khoảng 1%-1,5% lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp giảm chi phí tài chính và tăng cường năng lực cạnh tranh, cũng như mở rộng nhu cầu đầu tư nhưng vẫn chưa phát huy được hiệu quả như kỳ vọng.

Năm 2015 Chính phủ vẫn tiếp tục duy trì chủ trương việc điều hành giá cả các mặt hàng chiến lược theo hướng thị trường hóa (bao gồm xăng dầu, điện,...), nên việc điều chỉnh tăng giá cả các mặt hàng này sẽ tiếp tục diễn ra nhanh hơn, đặc biệt là đối với giá điện, và điều này sẽ gây thêm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2015 của NNG

Với việc dự báo tình hình kinh tế năm 2015 như trên thì việc nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của NNG cần được nhận diện và phân tích một cách cẩn trọng để có kế hoạch hành động phù hợp, nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cụ thể:

Về cơ hội

- Ngành bao bì PET vẫn đang tăng trưởng tốt (ước tính tăng trưởng 10%-15% hàng năm) nhờ vào lợi thế vốn có của PET so với các loại nhựa khác. Thị trường nội địa bị giới hạn về tăng trưởng đối với sản phẩm truyền thống nhưng thị trường xuất khẩu vẫn còn rất tiềm năng.
- Đến thời điểm hiện tại, ngành bao bì PET của Tập đoàn Ngọc Nghĩa vẫn là đơn vị dẫn đầu thị trường Việt Nam và là nhà cung cấp bao bì lớn nhất Đông Nam Á với những sản phẩm đa dạng, được ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất mang đến cho khách hàng những sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Nhiều ngành hàng khác đang sử dụng bao bì nhựa thông thường có cơ hội chuyển đổi sang bao bì PET. Cho tới nay, tại thị trường Việt Nam, NNG vẫn là đơn vị duy nhất có thể phát triển và nghiên cứu thành công các sản phẩm mủi nhọn bằng nhựa PET chuyển đổi từ bao bì hiện có của khách hàng.
- Ngành nước mắm và gia vị đã khá ổn định hệ thống phân phối miền Bắc, Trung và Đông sâu rộng đến tận nông thôn; đội ngũ bán hàng đã tích lũy được kinh nghiệm và xây dựng mối quan hệ tốt giúp cho HPF có được hệ thống xương sống khách hàng thân thiết ổn định và không ngừng gia tăng. Do tuân thủ và bám trụ triết lý kinh doanh "trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khách hàng, các sản phẩm ngành nước mắm được chăm chút cẩn thận từ chất lượng ngon vượt trội, an toàn vệ sinh từ sản phẩm bên trong đến bao bì bên ngoài.
- Kinh tế trong nước năm 2015 dự kiến sẽ có mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng của năm 2014 cùng với việc Chính phủ ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát ở mức thấp sẽ có tác động ít nhiều đến nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế, qua đó có thể giúp tăng cường tiêu thụ các sản phẩm bao bì của NNG.
- Thị trường tiền tệ diễn biến theo chiều hướng tích cực khi lãi suất huy động và cho vay tiếp tục duy trì ở mức thấp và tiếp tục xu hướng giảm sẽ góp phần giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp, tăng sự cạnh tranh cho sản phẩm của NNG khi bán ra thị trường quốc tế.

Rủi ro

- Ngành bao bì PET tiếp tục chịu sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất nước ngoài bắt đầu thâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam. Đây là các nhà sản xuất có nguồn tài chính vững mạnh hoặc được hỗ trợ từ chính sách tiền tệ lãi suất thấp của chính quốc, rào cản về thuế quan đã được tháo bỏ, với hình thức chỉ xây dựng nhà máy tại Việt Nam đã giúp cho các doanh nghiệp ngoài có lợi thế cạnh tranh tốt về giá thành sản xuất. Điều này sẽ là áp lực không nhỏ cho DN sản xuất Việt Nam khi mà chính thức tiếp tục gia tăng lương cơ bản, bảo hiểm và điều tiết tăng giá điện, xăng dầu,....
- Các khách hàng chiến lược của ngành bao bì PET đã và tiếp tục có xu hướng thay đổi chiến lược kinh doanh theo chiều hướng tự trang bị hệ thống thổi chai, ép phôi PET sau 1 thời gian cộng tác với DN nội địa hoặc tự mua nhựa để đem gia công, sử dụng các sản phẩm trọng lượng nhẹ.
- Giống như các doanh nghiệp khác trong cuộc cạnh tranh giành thị phần hiện hữu, cho tới nay, trong danh mục sản phẩm NNG hầu hết là các sản phẩm truyền thống đã có sự tham gia của nhiều đơn vị khác, nên NNG chịu sức ép lớn về giá và chảy máu lợi nhuận rất lớn để có thể duy trì lượng khách hàng hiện hữu với danh mục sản phẩm hiện hữu. Nếu NNG không nhanh chóng đầu tư phát triển sản phẩm mủi nhọn, khai phá "Đại dương xanh" thì dù nỗ lực duy trì được doanh thu ổn định (nhưng sẽ không có được sự tăng trưởng đột phá) nhưng lợi nhuận ngành sẽ ngày càng giảm sút do cạnh tranh gay gắt về giá và áp lực giá tăng chi phí để giữ người.

8.2. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

Với những nhận định về cơ hội, rủi ro thách thức mà NNG có khả năng sẽ gặp phải trong năm 2015, NNG định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

Định hướng Marketing và bán hàng ngành bao bì PET

Kế hoạch năm 2015 NNG PET đặt kỳ vọng sẽ tăng trưởng doanh thu sản xuất # 10% so với năm 2014, duy trì tổng doanh thu ở mức xấp xỉ 2014. Trong đó, mức tăng doanh thu xuất khẩu được kỳ vọng đạt mức 21%. Để thực hiện được kế hoạch kinh doanh năm 2015, ngành bao bì PET NNG tập trung nhiệm vụ sau đây:

- Giữ vững và khai thác tối đa doanh thu khách hàng hiện hữu của thị trường nội địa, khai thác tối đa nhu cầu mới của các khách hàng lớn bằng các sản phẩm hiện hữu (dựa trên MMTB hiện có); áp dụng triệt để chính sách quản trị giá để khai thác tối đa công suất tương ứng lợi nhuận tối ưu.
- Tiếp tục phát triển các sản phẩm mủi nhọn, hoàn tất thiết kế và tiến hành đầu tư trong 2015 để 2016 có thể phát sinh ngay doanh thu.
- Củng cố và khai thác mở rộng xuất khẩu ở thị trường hiện có. Trong đó, thị trường xuất khẩu chiến lược gồm Thái Lan, Indonesia và Philippin. Phát triển các khách hàng mới ở các thị trường xa như Nhật Bản, Úc, Mông Cổ.
- Phát triển ngành hóa mỹ phẩm và mỹ phẩm cao cấp với mục tiêu đa dạng hóa ngành hàng.
- Phát triển bao bì PET phân khúc ngành sữa và bia.
- Phát triển khách hàng thương mại nguyên vật liệu và khuôn mẫu.

Định hướng Marketing và bán hàng ngành nước chấm và gia vị

Tập trung phát triển ngành hàng nước mắm và nước chấm, cụ thể:

- Phát triển thêm ngành tương ớt và các gia vị thiết yếu khác.
- Hoàn thiện hệ thống phân phối sâu rộng đến các xóm, ấp, thôn & làng trên toàn quốc bằng cách cơ giới hóa hệ thống bán hàng.
- Tái thiết thị trường Hồ Chí Minh. Chuẩn bị điều kiện sẵn sàng để thiết lập lại thị trường Mekong khi thời cơ đến.
- Ôn định bộ sản phẩm chủ lực, triển khai tung hàng các sản phẩm mới theo kế hoạch đổi với nước mắm.
- Xây dựng Thái Long, Kabin trở thành thương hiệu hàng đầu về niềm tin & chất lượng trong ngành gia vị.
- Tăng cường hoạt động Marketing nhằm đưa sản phẩm và thông điệp sản phẩm đến được người tiêu dùng, để người tiêu dùng thấy được giá trị đích thực của sản phẩm.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng nhanh chóng và hiệu quả.
- Thực hiện giải pháp giảm thiểu chi phí mua hàng, vận chuyển.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Xác định rõ nguồn nhân lực chủ chốt gắn với sứ mệnh công ty để cống hiến cho chính sách nhân sự, tuyển dụng và sàng lọc theo sát mục tiêu Công ty trong ngắn, trung và dài hạn.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc rà soát định biên nhân công nhà máy,

phòng ban hỗ trợ để hạn chế gia tăng chi phí "thừa" trong điều kiện cần duy trì nguồn tiền cho việc đầu tư thiết lập thị trường mới cho ngành PET cũng như ngành công nghiệp thực phẩm có lãi.

- Tiếp tục triển khai hệ thống văn hóa, tạo môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả để người lao động gắn bó với công ty và phát huy hết mọi khả năng có thể có trong điều kiện cạnh tranh ngày càng khốc liệt

8.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Năm 2015, Tập đoàn Ngọc Nghĩa sẽ tiến hành các hoạt động liên quan đầu tư và nguồn như sau:

- Đầu tư lớn cho hệ thống MMTB phục vụ cho sản phẩm mủ nhọn ngành PET sẽ ra đời trong năm 2015. Ước lượng ngân sách # 120 tỷ đồng (ngân sách cụ thể Ban điều hành sẽ đệ trình đại hội khi hoàn tất dự toán đầu tư sau khi quá trình nghiên cứu hoàn tất).
- Chuyển nhượng cổ phần đã mua từ quỹ đầu tư để gia tăng vốn phục vụ đầu tư mới, hạn chế vay.
- Chuyển nợ vay và lãi đã trích dự phòng từ Công ty Cổ phần Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đề thành vốn góp, tăng vốn KMB lên 560 tỷ đồng.
- Tăng vốn HPF lên 1607 tỷ đồng bằng cách phát hành cổ phiếu mới huy động vốn từ bên ngoài và chuyển nợ tập đoàn thành vốn góp. Năm 2015 HPF có kế hoạch đầu tư máy nhỏ phục vụ sản xuất gia vị mới với vốn #10 tỷ đồng.

Hội đồng Quản trị, kinh đế nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ủy quyền cho Ban Điều hành tìm kiếm đối tác, xây dựng phương án cụ thể cũng như thời gian để tiến hành các vấn đề liên quan vốn như trên. Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo lại đại hội trong đại hội thường niên năm 2016.

8.4. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế năm 2015 cùng với nội lực hiện tại của Tập đoàn Ngọc Nghĩa, Hội đồng Quản trị kinh đế nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất cho năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TOÀN TẬP ĐOÀN
Doanh thu thuần	2,213
Giá vốn	1,529
Lãi gộp	685
Chi phí quản lý	101
Chi phí bán hàng & Marketing	323
Lợi nhuận từ SXKD	260
EBITDA	397
Lãi vay	111
Lợi nhuận trước thuế	149
Thuế TNDN	31
Lợi nhuận sau thuế	118

KẾ HOẠCH PHÂN PHÓI LỢI NHUẬN NĂM 2014

9.1. CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Lợi nhuận năm 2014 của Công ty CP CN-DV-TM Ngọc Nghĩa theo báo cáo được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện là 23.880.140.686 đồng, và lợi nhuận lũy kế của Công ty là 9.739.190.507 đồng, con số này rất thấp so với vốn chủ sở hữu của Công ty. Vì vậy, Hội đồng Quản trị công ty kinh đẽ nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chia cổ tức năm 2014 mà để dành nguồn lợi nhuận tích lũy này phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo Chiến lược tài chính Tập đoàn, dự kiến NNG sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt từ kết quả HĐ SXKD năm 2016 là 10% lợi nhuận 2016 (khi vẫn đề huy động vốn và đầu tư vào sản phẩm mủi nhợn ngành PET của NNG đã hoàn tất).

9.2. CÔNG TY CP PET QUỐC TẾ

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 7.840.000 cổ phần của Công ty CP Pet Quốc Tế, tương ứng với tỷ lệ 98% vốn điều lệ. Và theo báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện thì lợi nhuận năm 2014 của Công ty CP Pet Quốc tế là 89.832.981.897 đồng. Tuy nhiên, nhằm chủ động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian sắp tới nên Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Pet Quốc Tế thông qua việc không chia lợi nhuận có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

9.3. CÔNG TY CP NẮP TOÀN CẦU

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 9.840.000 cổ phần của Công ty CP Nắp Toàn Cầu, tương ứng với tỷ lệ 99% vốn điều lệ Công ty. Và theo báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện thì lợi nhuận năm 2014 của Công ty CP Nắp Toàn Cầu là 67.233.906.343 đồng. Tuy nhiên, nhằm chủ động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian sắp tới nên Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nắp Toàn Cầu thông qua việc không chia lợi nhuận có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

9.4. CÔNG TY CP NHỰA P.E.T VIỆT NAM

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 2.338.800 cổ phần của Công ty CP Nhựa PET Việt Nam, tương ứng với tỷ lệ 99% vốn điều lệ. Và theo báo cáo tài chính đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện thì lợi nhuận năm 2014 của Công ty CP Nhựa PET Việt Nam là 8.234.611.798 đồng. Tuy nhiên, nhằm chủ động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian sắp tới nên Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nhựa PET Việt Nam thông qua việc không chia lợi nhuận có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

9.5. CÔNG TY CP THỰC PHẨM HỒNG PHÚ & CÔNG TY CP SỮA & BÁNH KẸO HOÀNG ĐỀ

Các công ty con: Công ty CP Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đề (KMB) và Công ty CP Thực phẩm

Hồng Phú (HPF) trong năm 2014 hoạt động lỗ nên không có kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2014.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2015
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA
Chủ tịch / Mr. La Văn Hoàng



La Văn Hoàng

PHẦN

10

BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THỦ LAO HDQT, BKS & BAN THƯ KÝ

10.1. THỦ LAO HDQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2014

Năm 2014 do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn rất nhiều khó khăn, vì vậy Hội đồng Quản trị đã đề trình Đại hội đồng cổ đông về việc không nhận thù lao và đã được chấp thuận. Riêng ngân sách của Ban kiểm soát và Ban thư ký năm 2014 được thực hiện trong phạm vi ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông năm 2014 ngày 26/05/2014. Cụ thể ngân sách đã thực hiện như sau:

STT	THỦ LAO	NGÂN SÁCH DO ĐHĐCD PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2014	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014
1	Ban kiểm soát	143.000.000	143.000.000
2	Ban thư ký	65.000.000	65.000.000

10.2. LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2014

Mức lương của Tổng giám đốc năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 250 triệu/tháng (lương gộp) và được hưởng 13 tháng lương. Kết quả thực hiện như sau:

STT	LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC	NGÂN SÁCH DO ĐHĐCD PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2014	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014
1	Lương Tổng giám đốc	3.250.000.000	3.250.000.000

Căn cứ tình hình hoạt động của công ty trong năm 2014, kế hoạch kinh doanh 2015, và biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 08/04/2015, Hội đồng Quản trị đề xuất trước ĐHĐCD về mức lương gộp của Tổng Giám đốc là 250 triệu đồng/tháng và Tổng Giám đốc sẽ được hưởng lương tháng 13 và các phúc lợi khác theo chính sách nhân sự chung của Công ty. Riêng mức thường cho Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty.

10.3. ĐỀ XUẤT THỦ LAO HDQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2015

Dự báo tình hình HĐSXKD của NNG trong năm 2015 vẫn còn rất nhiều khó khăn phải giải quyết, để tập trung nguồn lực thực hiện các dự án trọng điểm ngành PET, cắt giảm tối đa chi phí không thiết yếu, Hội đồng Quản trị tiếp tục đề trình Đại hội việc HDQT sẽ không nhận thù lao trong năm 2015.

Đề nghị thù lao cho Ban kiểm soát và thư ký HDQT cho năm 2015 như sau:

STT	KHOẢN MỤC	Thù lao/tháng	Số tháng	Số người	Tổng ngân sách
1	Ban Kiểm soát	TB: 5 triệu đồng TV: 3 triệu đồng	13	3	143.000.000
2	Ban Thư ký	5.000.000	13	1	65.000.000

PHẦN

11

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Tính đến 31/12/2014, Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa đã đầu tư vào các Công ty như Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam, Công ty Cổ phần PET Quốc tế, Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu, Công ty Cổ phần Sữa & Bánh kẹo Hoàng Đế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú. Trong đó tổng số cổ phần sở hữu tính đến cuối năm 2014 như sau:

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2014	Đơn vị tính: VND	
			Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2014
CTCP Nhựa PET Việt Nam (*)	23.624.000.000	99,00%	116.005.724.000	116.005.724.000
Công ty CP PET Quốc tế	80.000.000.000	98,00%	78.400.000.000	78.400.000.000
Công ty CP Nắp Toàn Cầu	99.000.000.000	99,39%	98.400.000.000	98.400.000.000
Cty CP Sữa & Bánh Kẹo Hoàng Đế	55.000.000.000	95,05%	52.280.000.000	52.280.000.000
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	200.000.000.000	40,50%	81.000.000.000	81.000.000.000
Tổng cộng	426.085.724.000		426.085.724.000	

(*): Đối với trường hợp Công ty CP Nhựa PET Việt Nam do Công ty không thực hiện góp vốn ngay từ ban đầu mà mua lại từ các cổ đông cá nhân nên giá mua không tính theo vốn điều lệ mà là giá trị thực mua, điều này giải thích lý do vì sao có sự khác biệt giữa tổng giá trị góp vốn và tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam cũng đã thực hiện đầu tư vào các công ty thuộc tập đoàn Ngọc Nghĩa như sau:

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2014	Đơn vị tính: VND	
			Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2014
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	200.000.000.000	32,33%	64.650.000.000	64.650.000.000
Tổng cộng			64.650.000.000	64.650.000.000

Và, Công ty Cổ phần PET Quốc Tế cũng đã thực hiện đầu tư vào các công ty thuộc tập đoàn Ngọc Nghĩa như sau:

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2014	Đơn vị tính: VND	
			Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2014
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	200.000.000.000	25,00%	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng cộng			50.000.000.000	50.000.000.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

12.1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng Bà La Bùi Hồng Ngọc Bà Bùi Bích Hồng Ông La Hoài Nam Ông La Bùi Hoàng Nghĩa Ông Jean-Eric Jacquemin	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 26 tháng 5 năm 2014)
-------------------	---	---

Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng Bà La Bùi Hồng Ngọc Bà Nguyễn Thị Kim Chi Ông La Bùi Hoàng Nghĩa Bà Nguyễn Bạch Kim Vy Bà Đào Thị Thuận Bà Nguyễn Thị Châu Ông Đặng Thái Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị Phó Tổng Giám đốc Nhân sự Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận Giám đốc Quản trị Rủi Ro Giám đốc Pháp chế
-------------------	---	--

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23.973.603.513 VND (2013: 62.693.691.698 VND). Trong năm, Tập đoàn đã hoàn nhập cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông là 26.125.039.000 VND (2013: cổ phần có giá trị 52.250.000.000 VND).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và mức tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách trung đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất định kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngày 12 tháng 3 năm 2015

12.2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun World Tower
116 Nguyen Van Trung
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone: +84 (0) 3821 9099
Fax: +84 (0) 3821 9007
Email: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất định kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đưa ra Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên kinh nghiệm của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chuẩn Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Hàm Chánh án toàn số: 14-01-418



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

12.3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT

12.3.1. Bảng cân đối kế toán

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		602.147.302.960	604.816.194.145
Tiền	110	5	49.279.280.881	71.595.361.478
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130	7	168.430.815.000	167.060.261.417
Phải thu khách hàng	131		150.689.094.405	142.685.228.651
Trả trước cho người bán	132		9.438.826.565	13.922.646.883
Các khoản phải thu khác	135		9.516.741.021	10.854.967.592
Đợt phòng phải thu kho đãi	139		(1.213.846.991)	(462.581.709)
Hàng tồn kho	140	8	256.630.078.008	243.953.257.342
Tài sản ngắn hạn khác	150		77.807.129.071	72.267.313.908
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.993.021.952	11.694.525.252
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.009.178.835	41.275.980.183
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	9	20.203.148.191	18.734.004.384
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.601.780.093	562.804.089
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 260 + 269)	200		1.272.000.325.302	1.349.853.969.947
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.341.143.141	5.207.286.106
Tài sản cố định	220		1.215.624.227.629	1.283.871.736.322
Tài sản cố định hữu hình	221	10	719.221.946.335	689.593.192.767
Nguyên giá	222		1.238.993.181.336	1.110.694.070.577
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(519.771.235.001)	(421.100.877.810)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	204.769.918.076	244.945.995.775
Nguyên giá	225		261.662.643.040	293.892.498.519
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(56.892.724.964)	(48.946.502.744)
Tài sản cố định vô hình	227	12	283.172.909.672	285.924.801.148
Nguyên giá	228		299.362.906.127	299.362.906.127
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.189.996.455)	(13.438.104.979)
Xây dựng cơ bản đã đang	230	13	8.459.453.546	63.407.746.632
Tài sản dài hạn khác	260		17.849.539.022	18.016.481.018
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	9.509.569.738	11.209.213.703
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	386.907.061	723.648.295
Tài sản dài hạn khác	268		7.973.062.223	6.083.619.020
Lợi thế thương mại	269	16	36.165.415.510	42.758.466.501
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.874.147.628.262	1.954.670.164.092

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thayết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,265,431,160,315	1,308,314,391,108
Nợ ngắn hạn	310		1,091,117,692,306	1,117,164,887,262
Vay ngắn hạn	311	17	895,663,106,851	921,225,152,911
Phí trả người bán	312		133,954,479,832	102,149,608,164
Người mua trả tiền trước	313		18,939,458,086	28,807,090,918
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	2,791,929,708	6,013,824,300
Phí trả người lao động	315		2,431,281,033	1,179,208,647
Chi phí phải trả	316	19	22,983,163,926	18,485,826,738
Các khoản phải trả khác	319	20	11,359,171,777	33,970,596,659
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2,995,101,093	3,333,498,925
Vay và nợ dài hạn	330		174,313,468,009	191,149,583,846
Vay và nợ dài hạn	334	21	140,525,803,880	171,222,236,024
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	33,787,664,209	19,927,347,822
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		596,331,868,377	643,945,994,706
Vốn chủ sở hữu	410	22	596,331,868,377	643,945,994,706
Vốn cổ phần	411	23	522,500,000,000	522,500,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46,900,000,000	46,900,000,000
Cổ phiếu quỹ	414	23	(88,088,780,000)	(780,000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5,714,053,793	5,714,053,793
Quỹ dự phòng tái chính	418	24	11,293,166,612	10,973,114,162
Quỹ khảo sát và nghiên cứu	419	24	192,503,849	192,503,849
Lợi nhuận chia phần phổ	420		97,820,924,123	57,667,102,902
LỢI ÍCH CÓ ĐỘNG THIẾU SỐ	439	25	12,384,599,570	2,409,778,278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1,874,147,628,262	1,954,670,164,092

Các thuyết minh định kèm lù bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

6

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Người tệ:		
+ USD	363.547	154.209
+ EUR	1.003	788

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Đặng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các tinh ý minh định kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7

12.3.2. Báo cáo Kết quả kinh doanh

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	27	1.918.651.349.327	1.782.426.102.513
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	6.654.884.393	4.075.845.512
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	1.911.996.464.934	1.778.350.257.001
Giá vốn hàng bán	11		1.424.711.471.034	1.226.534.684.380
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		487.284.993.900	551.815.572.621
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.041.382.014	4.252.875.560
Chi phí tài chính	22	29	84.907.062.258	104.205.280.985
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.093.053.919	98.699.165.983
Chi phí bán hàng	24		263.398.410.983	274.517.352.359
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		93.239.969.291	83.254.319.373
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		54.780.933.382	94.091.495.464
Thu nhập khác	31	30	18.837.874.685	93.087.239.931
Chi phí khác	32	31	21.033.201.358	95.308.557.029
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.195.326.673)	(2.221.317.098)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.585.606.709	91.870.178.366
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	14.414.945.575	9.780.363.564
Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52	32	14.197.857.621	19.396.123.104
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.973.603.513	62.693.691.698

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuysết minh	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.973.603.513	62.693.691.698
Phản bộ chờ:				
Cổ đông thiểu số	61	25	2.551.344.820	2.511.258.278
Cổ đông của Công ty	62		21.422.258.693	60.182.433.420
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	411	1.152

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



Người lập:

Đặng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:
Lê Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các tóm tắt minh định kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

9

12.3.3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (Phương pháp gian tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01	52.585.606.709	91.870.179.366	
Biên chính cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02	131.716.978.751	124.942.593.712	
Các khoản dự phòng	03	751.265.382	(28.677.500.799)	
Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.061.410.099	(147.779.213)	
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	411.720.431	668.897.565	
Xóa sổ tài sản cố định và xây dựng có bán dở dang	05	144.096.679	101.036.000	
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(7.309.047.585)	(1.505.245.907)	
Chi phí lãi vay	06	80.095.083.919	98.699.165.983	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	259.457.114.285	285.951.345.707	
Biên động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	1.545.425.688	(62.919.935.187)	
Biên động hàng tồn kho	10	(12.676.820.666)	(914.757.911)	
Biên động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	25.324.612.088	57.623.536.228	
Biên động chi phí trả trước	12	401.147.265	3.415.325.922	
		174.051.478.660	283.155.494.759	
Tiền lãi vay đã trả	13	(80.476.525.460)	(107.381.768.359)	
Thuế thu nhập đã nộp	14	(15.169.375.617)	(32.260.485.914)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.906.028.605)	(3.937.240.320)	
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	29	176.499.548.978	139.576.000.166	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG BẦU TÚ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(37.363.104.735)	(100.548.558.190)	
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	17.616.974.540	92.106.608.473	
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	(170.000.000.000)	(30.000.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	170.000.000.000	-	
Tiền thu từ bán các công cụ vốn cho các đơn vị khác	24	30.000.000	-	
Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.309.047.585	1.505.245.907	
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(12.407.082.610)	(56.936.703.810)	

Các thuyết minh định kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (Phương pháp giản tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi để mua lại cổ phiếu	32	(88.088.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	2.365.177.980.310	2.688.111.683.039
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.405.208.660.522)	(2.636.408.081.501)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(58.253.136.565)	(65.633.220.899)
Tiền trả cổ tức	36	(27.676.500)	(26.198.764.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(186.398.893.277)	(40.128.383.861)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 29 + 30 + 40)	50	(22.306.426.909)	42.510.912.495
Tiền đầu năm	60	71.595.361.478	29.087.008.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61	(9.653.688)	(2.559.063)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	49.279.280.881
			71.595.361.478

Ngày 12 tháng 8 năm 2015
 Người lập:
 Dong Thi Ngoc Triệu
 Kế toán trưởng
 Người duyệt:
 La Van Hoang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh định kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

11

12.4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất
đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") là công ty cổ phần
được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"). Hoạt động chính của Công ty là sản xuất
nhựa, khuôn dẻo, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì
ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, bài sán, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát
không cồn. Chi tiết về các Công ty con của Công ty như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đề (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á)	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo, thực phẩm chế biến; sản xuất và chế biến sữa; sản xuất bia.	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn molds và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phúc	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901102796	99%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 1.282 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.421 nhân
viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh
nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) **Cơ sở doanh**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở đồng tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp giảm tiếp.

(c) **Giá định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 489 tỷ VND (31/12/2013: 512 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay dài hạn có cần tài trợ trong vòng 12 tháng kể tiếp (thuyết minh 17 và thuyết minh 21). Giá trị của giá định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một trong hai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) **Cơ sở hợp nhất**

(i) **Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) **Các giao dịch trái phiếu hợp nhất**

Số dư của giao dịch với bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay qui đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giao dịch trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không ký hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là cầu mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoán nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoán nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi già định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân định theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động chủ mực đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thì được du việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	5 – 25 năm
thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phản hồi rõ ràng về lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị bao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời gian hữu dụng xác định được phân bổ theo thời gian hữu dụng từ 43 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(l) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(m) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn cách sổ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(n) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giao dịch đầu tư, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

16

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(l) **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá giao trả đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại năm trong ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) **Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thành toàn các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) **Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tình chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(p) **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thuộc mảnh đất trong các điều kiện sau:

- * Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bao lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- * Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- * các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- * các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- * các khoản trả Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- * các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- * các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- * các khoản cho vay và phải thu.

*(ii) **Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- * Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phản ánh

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phản ánh.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thuế chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bằng căn đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tái sản sinh thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phản ánh rõ và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đã điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

19

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) **Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cổ hàn và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cổ hàn trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gìn quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(ii) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghiêm và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B.09 – DN/JN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bố phân chia theo hoạt động kinh doanh

	2014 VNĐ	2013 VNĐ	2014 VNĐ	2013 VNĐ	Thực hiện VNĐ	2014 VNĐ	2013 VNĐ	Lợi nhuận VNĐ	2014 VNĐ	2013 VNĐ	Hợp nhất VNĐ
Doanh thu bán hàng, kinh doanh lý phái sinh	1.400.382.532.236	1.541.701.806.721	311.613.922.708	236.614.459.280	—	—	—	—	1.911.596.466.934	1.778.530.257.001	
Doanh thu mua thuần và giao về bằng phái sinh	1.267.794.644.288	1.498.901.913.533	411.143.629	543.265.281	11.268.215.757.317	(1.410.447.309.812)	—	—	—	—	
Doanh thu kinh doanh tài chính	20.064.129.420	22.850.854.784	231.237.784	481.961.898	(20.295.397.264)	(23.312.819.482)	—	—	—	—	
Tổng doanh thu kế pháo	2.943.547.891.046	3.066.030.128.019	312.384.093.123	217.267.903.201	(1.345.994.119.211)	(1.591.204.902.665)	1.291.037.846.548	1.781.663.112.562			
Chi phí kế pháo	(2.712.287.812.886)	(2.706.068.793.289)	(644.481.098.375)	(465.871.508.936)	1.360.511.958.697	1.480.028.665.118	(1.860.756.911.566)	(1.688.511.637.097)			
Kết quả kinh doanh kế pháo	312.266.080.168	279.971.134.730	(117.096.966.232)	(168.103.601.719)	16.617.819.466	(17.776.237.547)	54.780.913.382	94.091.404.464			
Giá trị hàng tồn chết pháo khác Thứ tự nhập									18.871.874.085	9.072.216.931	
Lợi nhuận sau thuế									(31.033.201.398)	(93.108.557.029)	
									(28.512.000.196)	(79.763.840.668)	
									21.671.663.511	62.693.491.648	



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

	Nhập 31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	Thực phẩm 31/12/2014 VND	Thực phẩm 31/12/2013 VND	Tổng 31/12/2014 VND	Tổng 31/12/2013 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	446.065.725.725	434.093.597.156	106.081.577.225	120.712.586.680	552.147.302.960	554.816.191.145
Tài sản dài hạn	1.063.026.829.608	1.055.212.484.856	268.586.588.633	293.917.836.766	1.271.613.418.241	1.349.310.521.652
Tài sản không phản bộ	-	-	-	-	50.286.907.061	50.723.348.295
	1.449.092.555.343	1.489.316.082.042	374.668.165.858	414.630.433.735	1.874.147.628.262	1.954.670.164.092
Nguyên liệu						
Nợ ngắn hạn	996.198.249.979	1.021.595.299.531	94.919.442.327	95.659.507.711	1.091.117.692.306	1.117.164.807.262
Nợ dài hạn	129.277.878.695	124.943.773.807	11.247.975.105	46.278.462.217	140.525.803.800	171.222.236.024
Nợ không phản bộ	-	-	-	-	33.787.664.209	19.927.347.822
	1.125.476.978.674	1.146.449.973.338	106.167.417.432	141.937.969.948	1.265.431.160.315	1.308.514.391.108
Khấu hao và phản bộ						
Các khoản dự phòng	103.989.137.497	97.172.496.671	27.727.841.254	27.769.897.041	131.716.978.751	124.942.593.712
Mất sản phẩm	341.602.952	-	40.7.662.330	(28.677.500.799)	751.265.292	(28.677.500.799)
	34.572.745.094	92.947.715.827	2.790.139.641	7.600.842.363	37.363.101.735	100.348.258.190

22

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNH/N

(b) Bảng phân chia theo khu vực địa lý

	Trung nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.554.515.163.916	1.259.116.496.044	357.481.301.018	519.233.760.957	1.911.996.464.934	1.778.350.257.001
Tài sản bộ phận	1.374.147.628.262	1.954.670.164.092	-	-	1.874.147.628.262	1.954.670.164.092
Mua sắm tài sản	37.363.104.735	100.548.558.190	-	-	37.363.104.735	100.548.558.190

23

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	5.985.754.336	843.256.473
Tiền gửi ngân hàng	43.293.526.545	70.752.105.005
	<hr/> 49.279.280.881	<hr/> 71.595.361.478

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và hưởng lãi suất năm 6,5% (2013: 7,5%).

7. Phải thu ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có khoản phải thu khách hàng nào được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 92.101 triệu VND) (thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B.09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang di chuyển	9.489.233.538	-
Nguyên vật liệu	125.111.576.480	106.502.703.809
Công cụ và dụng cụ	4.222.987.903	3.674.473.842
Sản phẩm dở dang	45.493.675.396	55.007.666.861
Thành phẩm	65.302.764.751	59.834.825.142
Hàng hóa	2.498.465.520	3.710.933.739
Hàng gửi đi bán	4.611.375.420	15.222.653.949
	<hr/> 256.630.078.008	<hr/> 243.953.257.342

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	20.203.148.191	18.734.004.384

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thayết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	177.924.962.879	9.764.419.004	882.327.420.331	41.577.668.163	1.110.694.070.577
Tăng trong năm	-	181.111.150	13.233.038.520	3.136.763.724	1.6551.513.394
Chuyển từ xây dựng có bảo dưỡng	80.613.506	-	72.875.238.909	-	72.955.852.415
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	72.623.161.713	-	72.623.461.713
Thanh lý	-	(88.973.068)	(32.077.782.934)	(1.577.189.453)	(33.743.945.455)
Xén sợi	(87.771.308)	-	-	-	(87.771.308)
Số dư cuối năm	177.017.805.077	9.856.157.086	1.008.981.976.539	43.137.242.634	1.238.993.181.336
Giá trị hao mòn (tỷ kế)					
Số dư đầu năm	33.054.914.895	4.295.490.872	368.104.971.210	15.645.500.833	421.100.877.810
Khiêu hao trong năm	9.458.705.141	1.355.871.381	78.149.869.667	4.735.943.029	93.700.389.218
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	(88.973.068)	20.725.424.846	-	20.725.424.846
Thanh lý	(40.206.389)	-	(14.819.614.386)	(806.662.830)	(15.715.256.484)
Xén sợi	-	-	-	-	(40.206.389)
Số dư cuối năm	42.473.413.647	3.562.389.165	452.160.631.137	19.574.781.072	519.771.255.001
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	143.970.047.484	5.468.528.132	514.222.449.121	25.932.167.510	689.593.192.767
Số dư cuối năm	134.541.391.410	4.293.767.901	556.821.323.402	23.562.461.602	719.221.946.335

26

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cũ nguyên giá 172.489 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 118.615 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 412.644 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 347.145 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 17 và thuyết minh 21).

11. Tài sản cố định hữu hình thuế tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	262.823.412.458	31.069.086.061	293.892.498.519
Tăng trong năm	17.106.519.795	20.579.586.187	37.686.105.982
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.707.500.252	-	2.707.500.252
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(72.623.461.713)	-	(72.623.461.713)
Số dư cuối năm	210.013.970.792	51.648.672.248	261.662.643.040
Giá trị hao mòn huy liệ			
Số dư đầu năm	46.721.062.224	3.225.440.520	48.946.502.744
Khấu hao trong năm	27.896.154.200	775.292.866	28.671.647.066
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.725.424.846)	-	(20.725.424.846)
Số dư cuối năm	53.891.991.578	3.000.733.386	56.892.724.964
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	216.102.350.234	28.843.645.541	244.945.995.775
Số dư cuối năm	156.121.979.214	48.647.938.862	204.769.918.076

Tập đoàn thuế một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuế của từng hợp đồng thuế, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.923.065.028	1.515.039.951	13.438.104.979
Khấu hao trong năm	2.450.959.188	300.932.288	2.751.891.476
Số dư cuối năm	14.374.024.216	1.815.972.239	16.189.996.455
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	285.475.909.925	448.891.223	285.924.801.148
Số dư cuối năm	283.024.950.737	147.958.935	283.172.909.672

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 47.285 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 46.112 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 21).

Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	63.407.746.632	27.862.677.010
Tăng trong năm	20.811.591.341	66.575.308.607
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thô tài chính	-	2.239.951.052
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(72.955.852.415)	(28.891.955.686)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thêm tài chính	(2.707.500.252)	(4.277.198.351)
Xấu sổ	(96.531.760)	(101.036.000)
 Số dư cuối năm	 8.459.453.546	 63.407.746.632

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.409.391.026
Máy móc	570.000.000	47.412.270.817
Khuôn nhựa	-	8.050.451.789
Khác	532.473.000	535.633.000
 8.459.453.546	 63.407.746.632	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có xây dựng cơ bản dở dang nào được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 44.705 triệu VND) (thuyết minh 21).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trả trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.891.173.222	8.596.226.754	721.613.727	11.209.213.703
Tăng trong năm	-	4.146.262.693	-	4.146.262.693
Phản bồi trong năm	(1.206.661.032)	(3.917.631.899)	(721.613.727)	(5.845.906.658)
 Số dư cuối năm	 684.712.190	 8.824.857.548	 -	 9.509.569.738

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện	386.907.061	596.980.586
Chí phí phải trả	-	126.667.709
 Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	 386.907.061	 723.648.295
 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	(33.787.664.209)	(19.927.347.822)

16. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
 Phản bộ lũy kế	
Số dư đầu năm	23.172.043.409
Phản bộ trong năm	6.593.050.991
 Số dư cuối năm	 29.765.094.400
 Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	42.758.466.501
Số dư cuối năm	36.165.415.510

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	834.745.260.762
Vay vừ nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 21)	95.614.851.043	86.479.892.149
	<hr/> 895.663.106.851	<hr/> 921.225.152.911

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	199.240.811.234	316.561.877.376
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	3,8%	199.256.237.315	81.632.929.291
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	32.895.204.268	52.500.033.112
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	198.332.495.649	185.272.247.744
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	147.064.810.342	140.965.941.239
Ngân hàng HSBC	VND	8,0%	–	57.812.232.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	7,0%	<hr/> 23.258.697.000	<hr/> –
			<hr/> 800.048.255.808	<hr/> 834.745.260.762

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 115.449 triệu VND và 14.032 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: tài sản cố định hữu hình là 88.344 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 12.649 triệu VND) (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	938.610.651	4.734.335.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.225.279	184.511.514
Thuế thu nhập cá nhân	954.093.778	1.094.977.074
	<hr/> 2.791.929.708	<hr/> 6.013.824.300

19. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.082.225.464	1.463.667.005
Lương và thưởng	11.099.157.295	6.000.861.944
Chiết khấu bán hàng	5.240.920.458	6.296.462.771
Chi phí khác	5.560.860.709	4.724.835.018
	<hr/> 22.983.163.926	<hr/> 18.485.826.738

20. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ký quỹ của khách hàng	9.108.810.282	4.104.001.129
Cố tức phải trả	-	26.152.715.500
Các khoản phải trả khác	2.250.361.495	3.713.880.030
	<hr/> 11.359.171.777	<hr/> 33.970.596.659

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	(a)	121.241.275.183	125.845.900.804
Nợ thuê tài chính	(b)	114.899.379.660	131.856.227.369
		236.140.654.843	257.702.128.173
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 17)		(95.614.831.043)	(86.479.892.149)
Hoàn trả sau 12 tháng		140.525.803.800	171.222.236.024

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Lôp tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Bảo Việt	VND	12,0%	2016	41.241.275.183	71.622.051.183
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	11,1%	2018	80.000.000.000	44.478.849.621
Ngân hàng HSBC	VND	10,8%	2015	-	9.745.000.000
					121.241.275.183
					125.845.900.804

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bởi các tài sản của Tập đoàn như sau:

		Giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phí thu khách hàng	(thuyết minh 7)	-	92.100.615.067
Tài sản cố định hữu hình	(thuyết minh 10)	297.194.580.605	258.801.473.197
Tài sản cố định vô hình	(thuyết minh 12)	33.252.529.904	34.063.063.308
Xây dựng cơ bản đã đang	(thuyết minh 13)	-	44.704.770.565
		330.447.110.509	429.669.922.137

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Bảo Việt phải trả 30 tỷ VND trong năm 2015 và phần còn lại trong năm 2016.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải trả trong 4 năm bằng nhau, mỗi năm trả 20 tỷ VND. Kỷ hoàn trả cuối cùng vào năm 2018.

33

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê bồi thường phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính trong tương lai như sau:

	31/12/2014		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	54.818.167.184	9.584.092.141	45.234.075.043
Từ hai đến sáu năm	77.855.776.730	8.190.472.113	69.665.304.617
	132.673.943.914	17.774.564.254	114.899.379.660

	31/12/2013		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	57.496.243.391	12.830.950.566	44.665.292.725
Từ hai đến sáu năm	101.028.581.909	13.837.647.265	87.190.934.644
	158.524.825.300	26.668.597.931	131.856.227.369

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 1.461 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.823 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DV/HN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Tháng đầu vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chiết khấu đanh giá lại tài sản VNĐ	Quỹ khác		Tổng cộng VNĐ
					Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ kinh doanh chia sát hưu VNĐ	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	69.734.669.882
Lợi nhuận thuần trong năm Cổ tức (thuỷết minh 26)	-	-	-	-	-	-	60.182.433.820
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	69.734.669.882
Lợi nhuận thuần trong năm Nhà tài trợ phán quyết Phản hồi tài từ ngày đền bù thường và phúc lợi Hồ sơ thuế Hỗn hợp cổ tức (thuỷết minh 26)	-	-	(88.068.000.000)	-	-	-	21.422.758.693 (88.068.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(98.036.700.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.928.123

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014	31/12/2013		
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm, biến động vốn cổ phần như sau:

	2014	2013		
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	(4.004.000)	(88.088.000.000)		
Số dư cuối năm	48.245.922	434.411.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết việc Công ty mua lại 4.004.000 cổ phiếu quỹ từ Red River Holding với giá 22.000 VND một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ này đã được mua lại vào tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông Lê Văn Hoàng	15.822.496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bối Hồng Ngọc	9.586.963	19,87%
Red River Holding	1.633.874	3,39%
Cổ đông khác	11.455.766	23,74%
	48.245.922	100%

24. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phân trâm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

25. Lợi ích cổ động thiểu số

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.409.778.278	-
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu từ Tập đoàn	30.000.000	-
Lợi nhuận thuộc các cổ động thiểu số	2.551.344.820	2.511.258.278
Điều chỉnh khác	7.393.476.472	-
Cổ tức nhận được	-	(101.480.000)
Số dư cuối năm	12.384.599.570	2.409.778.278

26. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 26 tháng 5 năm 2014 quyết định hoàn nhập cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông là 26.125 triệu VND (2013: cổ tức được công bố 52.250 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
* Hàng hóa đã bán	1.918.651.349.327	1.782.426.102.513
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
* Chiết khấu thương mại	(126.280.425)	(88.801.139)
* Giảm giá hàng bán	(175.925.820)	-
* Hàng bán bị trả lại	(6.352.678.148)	(3.987.044.373)
	 (6.654.884.393)	 (4.075.845.512)
Doanh thu thuần	 1.911.996.464.934	 1.778.350.257.001

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.309.047.585	1.505.245.907
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.653.351.549	2.412.284.986
Doanh thu hoạt động tài chính khác	74.805.170	232.639.925
	2.277.710	102.704.742
	 9.041.382.014	 4.252.875.360

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	80.095.083.919	98.699.165.983
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.630.763.070	5.358.100.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.136.215.269	84.860.712
Chi phí tài chính khác	45.000.000	63.154.214
	<hr/> 84.907.062.258	<hr/> 104.205.280.985

30. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	17.616.974.540	92.106.608.473
Thu nhập khác	1.220.900.145	980.631.458
	<hr/> 18.837.874.685	<hr/> 93.087.239.931

31. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình xóa sổ và thanh lý	18.076.259.890	92.775.506.038
Chi phí khác	2.956.941.468	2.533.050.991
	<hr/> 21.033.201.358	<hr/> 95.308.557.029

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	14.156.211.204	9.909.692.981
Dự phòng thuế/(thua) trong những năm trước	258.734.371	(129.329.417)
	<hr/> 14.414.945.575	<hr/> 9.780.363.564
Chi phí thuế thu nhập hoàn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	14.197.057.621	19.396.123.104
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 28.612.003.196	<hr/> 29.176.486.668

(b) Đổi chiều thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	52.585.606.709	91.870.178.366
Thuế theo thuế suất của Công ty	11.568.833.476	22.967.544.392
Ưu đãi thuế	(23.512.441.658)	(25.891.031.711)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau	10.938.246.069	(1.668.749.190)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.375.305.483	2.306.982.266
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(1.651.451.435)	-
Dự phòng thuế/(thua) trong những năm trước	258.734.371	(129.329.417)
Tài sản thuế hoàn lại không được ghi nhận trên kế toán thuế của các công ty con	23.634.776.890	31.591.070.128
	<hr/> 28.612.003.196	<hr/> 29.176.486.668

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Củ Chi của Công ty, chịu thuế suất 15%.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phố có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 22% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	21.422.258.693	60.182.433.420

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.349.922	52.249.922
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quý trong năm	(153.578)	-
Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.096.344	52.249.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- * rủi ro tín dụng
- * rủi ro thanh khoản; và
- * rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Tập đoàn hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i)Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngắn hạn	(ii)	43.293.526.545	70.752.105.005
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn)	(ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	158.991.988.435	153.077.614.534
		252.285.514.980	273.829.719.539

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) *Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn*

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) *Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	20,728,226.821	15,393,917.931
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	5,367,120.243	15,077,131.749
Quá hạn trên 180 ngày	4,272,331.416	2,106,583.297
	<hr/> 29,867,678.480	<hr/> 32,577,632.977

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trung năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	462,581,709	837,618,006
Tăng dự phòng trong năm	751,265,282	17,210,361
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(392,246,658)
	<hr/> 1,213,846,991	<hr/> 462,581,709

**Chung ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – ĐNHN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phản ứng quản lý thanh khoản cần Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện không bình thường và không thể chấp nhận các mức rủi ro mà không thể chấp nhận có nguy cơ gây lỗ hổng cho hệ thống của Tập đoàn. Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán fieri lại trước thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Đóng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phai trả người bán và phải trả khác					
Vay ngắn hạn	170.728.096.568	170.728.096.568	170.728.096.568		
Vay dài hạn	800.048.255.808	830.408.837.376	830.408.837.376		
Nợ thuế tài chính	121.241.275.183	154.176.731.860	76.550.730.189	33.706.001.801	43.920.000.000
	14.889.379.660	132.673.943.914	56.818.167.184	42.877.614.069	34.976.141.761
	1.206.917.007.219	1.287.987.609.718	1.152.505.831.187	76.583.516.770	78.898.141.761

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Đóng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phai trả người bán và phải trả khác					
Vay ngắn hạn	157.785.240.208	157.785.240.208	157.785.240.208		
Vay dài hạn	834.745.260.762	856.836.441.648	856.836.441.648		
Nợ thuế tài chính	125.845.900.804	158.698.390.380	57.849.41.616	51.861.783.993	48.986.195.771
	131.856.227.369	158.524.825.380	57.996.243.391	46.071.1.38.257	54.957.443.652
	1.250.232.629.143	1.331.834.897.526	1.129.958.335.863	97.932.922.250	103.941.639.423

44

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mua rủi ro hối đoái ngắn hạn vay mua cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuộc chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền		
Phải thu khách hàng	363.547	154.209
Tài sản ngắn hạn khác	537.095	1.145.174
Phải trả người bán	6.000	6.000
Vay ngắn hạn	(2.796.095)	(11.243)
Nợ thuê tài chính	(9.322.802)	(3.873.081)
Phải trả khác	(68.345)	(132.937)
	<hr/>	<hr/>
	(11.658.427)	(2.896.828)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

Tỷ giá tại ngày	
31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.371
	<hr/>
	21.083

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không đáng kể. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu rủi suất của Tập đoàn như sau. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ thuê tài chính	(114.899.379.660)	(131.856.227.369)
	<hr/>	<hr/>
	(64.899.379.660)	(81.856.227.369)
<i>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thay đổi</i>		
Tiền	43.293.526.545	70.752.105.005
Vay ngắn hạn	(800.048.255.808)	(834.745.260.762)
Vay dài hạn	(121.241.275.183)	(125.845.900.804)
	<hr/>	<hr/>
	(877.996.004.446)	(889.839.056.561)

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm số làm giảm 7.145 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2013: 6.034 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	49.279.280.881	71.595.361.478
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	158.991.988.435	153.077.614.534
- Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
	258.271.269.316	274.672.976.012

Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phản hồi:

- Phải trả ngắn hạn và phải trả khác	(170.728.096.568)	(157.785.240.208)
- Vay ngắn hạn	(800.048.255.808)	(834.745.260.762)
- Vay dài hạn	(121.241.275.183)	(125.845.900.804)
- Nợ thuê tài chính	(114.899.379.660)	(121.856.227.369)
(1.206.917.007.219)		(1.250.232.629.143)

Tập đoàn cam kết xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

35. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2014	2013
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính		
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	37.680.105.982	77.061.669.159
Hoàn nhập cố tức	3.610.182.874	
	26.125.039.000	

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	2014 VND	2013 VND
Lương và trợ cấp kinh doanh	23.277.077.461	18.467.563.500
Hỗ trợ chi phí kinh doanh	12.710.000.000	-

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.393.645.175.311	1.648.239.386.208
Chi phí nhân công	296.878.107.531	174.222.290.479
Chi phí khấu hao và phân bổ	131.716.978.751	124.942.593.712
Chi phí khác	379.914.596.427	321.703.644.391

38. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2013 VND (phân loại lại)	31/12/2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18.734.004.384	726.924.530
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	6.013.824.300	7.934.092.268
Thuế thu nhập hoàn lại phải trả	19.927.347.822	-



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND (phân loại lãi)	2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	9.780.363.564	29.707.711.386
Chi phí thuế thu nhập hoàn lại	19.396.123.104	(531.224.718)

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

